| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐOAN HÙNG**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2025
*V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Yến

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Quang

Ông Nguyễn Hữu Mùi

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01 /2025/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2025 về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét x ử s ố: 07 /2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2025, giữa c ác đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu C, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn*:* Chị **Lê Thùy D**, sinh năm 2002

Địa chỉ: Khu C, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

*(Anh S, chị D có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh S trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Anh và và chị Lê Thùy D kết hôn với nhau vào ngày 02/8/2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh tại khu C, xã P. Qúa trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D ghen tuông vô cớ dẫn đến hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ ngày 04/01/2025, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu H, xã H, huyện Đ

để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thùy D.

Anh và chị Lê Thùy D có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2021. Hiện đang ở cùng anh và bố mẹ anh tại khu C, xã P, huyện Đ. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm công việc lái xe taxi gia đình, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)/ 1 tháng. Từ nhỏ, cháu N ở cùng gia đình anh, được bố mẹ anh giúp đỡ chăm sóc, nuôi dưỡng. Bố mẹ anh là ông Nguyễn Xuân T, bà Lê Thị Xuân Đ có đơn bảo lãnh cho anh và cháu N về nơi ở và tạo mọi điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Lê Thùy D trình bày: Chị xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như anh S trình bày là đúng. Chị và anh Sơn S1 hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S không quan tâm đến vợ con, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ ngày 04/01/2025 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu H, xã H, huyện Đ để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị cũng xác định không còn tình cảm với anh S nữa, anh S xin ly hôn chị đồng ý.

Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2021. Hiện đang ở với anh S và ông bà nội tại khu C, xã P, huyện Đ. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Từ tháng 10/2024 đến nay, chị không trực tiếp nuôi con chung. Do từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024 chị đi làm ở công ty TNHH D1 địa chỉ tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh thu nhập trung bình khoảng 7.000.000 đồng/1 tháng. Hiện chị đang làm ở khu công nghiệp P ở thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị không cung cấp được bảng lương cho Tòa án. Bố mẹ chị là ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị T1 có đơn cam kết, tạo điều kiện về nơi ở cho chị để chị nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tòa án xác minh tại nơi cư trú của anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thùy D, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Anh Nguyễn Thanh S và và chị Lê Thùy D kết hôn với nhau vào ngày 02/8/2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống cùng gia đình anh S tại xã P. Qúa trình chung sống, anh S và chị Dung hòa T2 đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Từ ngày 04/01/2025, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu H, xã H, huyện Đ để ở. Nay anh S xin ly hôn chị D, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, thực tế hiện nay vợ

chồng đang sống ly thân.

Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thùy D có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2021. Hiện đang ở cùng anh S và ông bà nội là ông Nguyễn Xuân T, bà Lê Thị Xuân Đ tại khu C, xã P, huyện Đ. Từ nhỏ, cháu N được ông bà nội cùng chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện cháu N đang học ở Trường Mầm non T3. Anh S làm nghề lái xe, có thu nhập ổn định, còn chị D không ở địa phương. Xét thấy cháu N đang được anh S chăm sóc nuôi dưỡng tốt, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Vợ chồng anh S và chị D có hay không thì địa phương không nắm được.

4. Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thùy D.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2021 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S do anh S không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S và chị D không đề nghị nên không phải giải quyết.

+ Về án phí: Anh S và chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú của bị đơn là tại xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thùy D đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của anh S, chị D và chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh S và chị D thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, bố mẹ anh S và chị D đều cam kết tạo điều kiện để cho anh chị có nơi ở ổn định. Anh S có nghề nghiệp, thu nhập ổn định còn chị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được thu nhập để nuôi con. Bên cạnh đó, con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2021 đã trên 36 tháng tuổi, hiện đang được anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học ở trường Mầm non xã T3. Chị D không trực tiếp chăm sóc con chung từ tháng 10/2024 đến nay. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, tránh sáo trộn cuộc sống ổn định của con chung, cần giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Anh S và chị D không đề nghị nên không phải giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh S và chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thùy D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2021 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

Chị Lê Thùy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0002436 ngày 06/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh S được hoàn lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Lê Thùy D phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh S, chị Lê Thùy D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Phúc Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Yến**